

Số: 43/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 01 Và kế hoạch tháng 02 năm 2016

Trong tháng, sản xuất gặp nhiều khó khăn, cụ thể: Mặn xuất hiện sớm, lần sâu đến thượng nguồn và cao hơn cùng kỳ từ 5-6%; lúa Đông xuân xuống giống kéo dài và có khả năng bị thiếu nước; giá cả vật tư đầu vào phục vụ sản xuất duy trì ở mức cao; sản lượng thủy sản khai thác và sản lượng nuôi vùng mặn, lợ giảm so cùng kỳ; thời tiết lạnh làm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và cũng là điều kiện thuận lợi để phát sinh các dịch bệnh trong chăn nuôi. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Kết quả cụ thể như sau:

Bệnh LMLM xuất hiện trên đàn bò của huyện Trà Cú;

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Nông nghiệp:

- Cây lúa: Thu hoạch 44.093 ha lúa Thu Đông - mùa, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay 77.452 ha, đạt 88,6% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,32 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,04 tấn/ha). Lúa Đông Xuân xuống giống 43.532 ha, nâng tổng diện tích xuống giống vụ này đến nay 61.677 ha, đạt 94,9% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 6.308 ha). Diện tích nhiễm sâu bệnh 1.465 ha, gồm bệnh đạo ôn lá 350 ha, tỉ lệ 5-10%; cháy bìa lá 162 ha, tỉ lệ 5-10%; còn lại là bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng gây hại ở mức độ nhẹ như.

- Cây màu: Gieo trồng 6.405 ha, nâng tổng diện tích đến nay 11.197 ha, đạt 19,53% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 1.277 ha), trong đó: màu lương thực 1.539 ha, màu thực phẩm 6.355 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 3.303 ha.

- Công tác sản xuất, cung ứng giống: Nhân giống lúa OM 5451 với diện tích 10 ha trên địa bàn huyện Tiểu Cần; nhân giống bưởi da xanh 06 ha tại các huyện Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, đang phát triển tốt. Tổ chức sản xuất 8,9 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 6,6 ha), hiện lúa trong giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng. Cung ứng 62,7 tấn giống (3 tấn nguyên chủng) và 735 cây giống các loại.

b) Chăn nuôi:

- Tình hình chăn nuôi: Tập trung tăng đàn vật nuôi để phục vụ trong dịp Tết Nguyên đán.

- Tình hình dịch bệnh: Ngày 25/12/2015 bò bị bệnh lở mồm long móng, tại hộ ông Nguyễn Tấn Sự, ấp Vàm Rây A, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú; số bò mắc bệnh 13 con (tổng đàn 80 con); đến nay bệnh đã được khống chế, không có trường hợp phát sinh mới.

- Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm gia cầm được 241.744 con (gà 62.383 con, vịt 179.361 con); tiêm phòng thường xuyên cho 33.753 con gia súc (dịch tả 11.601 con; tụ huyết trùng 11.341 con; phó thương hàn 10.811 con); đại chó, mèo 100 con. Sử dụng 12,8 lít hóa chất phun xịt sát trùng, khống chế khu vực bệnh LMLM, diện tích 56.000 m² của 210 hộ chăn nuôi.

c) Lâm nghiệp: Triển khai trồng 15 ha rừng thuộc dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2020. Nghiệm thu cấp cơ sở công trình bảo vệ, khoanh nuôi rừng trên địa bàn các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành và thị xã Duyên Hải. Thực hiện tía thưa điều chỉnh mật độ 51 ha rừng được giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; hoàn thành nghiệm thu phúc tra trồng rừng và giải ngân cho hộ dân nhận khoán trồng rừng, thuộc Dự án ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2014 – 2015, diện tích 48,7 ha. Kiểm tra 769 cây được tại Khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Long Khánh, nguyên nhân do đất gò cao, nhiễm phèn, cây già cỗi, sâu và mối đục thân. Tổ chức 76 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 02 vụ vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 9.571 ha, thu hoạch 9.849 tấn (2.522 tấn cá lóc, 35 tấn tôm sú, 100 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 5,4% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 25 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 274 triệu con tôm sú giống, diện tích 4.777 ha; 194 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 396 ha; 14,6 triệu con cua biển, diện tích 4.276 ha. Thu hoạch 299 tấn (thấp hơn cùng kỳ 300 tấn). Tuy nhiên, có 6,8 triệu con tôm sú giống (chiếm 2,4%) và 31,3 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 10%) bị thiệt hại. Nguyên nhân, do chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm, môi trường nước đầu vụ chưa ổn định, làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tôm chết trong giai đoạn từ 30 – 45 ngày tuổi.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 17,7 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 149 ha (cá lóc 8,6 triệu con, diện tích 20 ha; tôm càng xanh 6,2 triệu con, diện tích 58,6 ha; còn lại là các loại cá khác). Thu hoạch 3.809 tấn, đạt 6,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.439 tấn, riêng cá lóc cao hơn cùng kỳ 1.420 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng 5.742 tấn (1.438 tấn tôm), đạt 7,2% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.164 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 1.024 tấn (455 tấn tôm), đạt 7,4% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 154 tấn.

+ Khai thác hải sản: 4.718 tấn (755 tấn tôm), đạt 7,2% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.010 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 129 tấn thủy sản (tôm sú 21 tấn, tôm thẻ 107 tấn), chế biến 72 tấn, tiêu thụ 80 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 555 ngàn USD.

- Kiểm dịch 57,7 triệu con tôm sú giống, 131,5 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 18 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản. Kiểm tra vệ sinh thú y thủy sản đối với 31 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 04 giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản.

- Công tác giống: Tiếp tục chăm sóc 04 ao nuôi tôm càng xanh toàn đực, đàn cá tra, cá lóc bố mẹ chuẩn bị sản xuất con giống cung cấp cho người nuôi. Vệ sinh ao nuôi, chuẩn bị sản xuất tôm sú giống.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức tuyên truyền lồng ghép được 43 cuộc cho 1.174 lượt người với các nội dung tuyên truyền, vận động thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

+ Đến nay, Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã quyết định công nhận 108.680 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 49,75% trên tổng số hộ phát động; 11 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 16,32% trong tổng số ấp.

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Có thêm 02 xã đạt 19 tiêu chí, nâng tổng số đến nay có 22 xã đạt 19 tiêu chí (17 xã có quyết định công nhận); 05 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 58 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư: Tiếp tục theo dõi, kiểm tra tiến độ thi công hạng mục đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư thuộc dự án di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; tiếp tục thi công đoạn kè thuộc Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Tiểu Cần; trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ, lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp dự toán Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

- Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: Tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Đề án xây dựng và phát triển mỗi xã một sản phẩm tiểu thủ công nghiệp đến năm 2020. Tiến hành rà soát lại các chỉ tiêu nhiệm vụ làng nghề, ngành nghề, Chương trình 135, Chương trình đào tạo nghề.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Hoàn thành các dự án năm 2015, tập trung quyết toán, giải ngân vốn. Trong tháng lắp đặt cho 731 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư và cung cấp, nâng tổng số hộ sử dụng nước máy đến tháng 01/2016 là 79.901 hộ.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung danh mục 02 dự án rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng sản xuất mía nguyên liệu và quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tham mưu thành lập hội đồng thẩm định 02 dự án quy hoạch: Quy hoạch cây ăn quả và rà soát quy hoạch ngành nông nghiệp; đồng thời, phối hợp với Sở kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch chi tiết nuôi và chế biến cá tra tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 làm cơ sở tổ chức hợp.

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng quản lý quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh; khảo sát thực địa làm cơ sở đề xuất UBND tỉnh cho UBND huyện Duyên Hải tạm mượn 4.000 m² đất quy hoạch lâm nghiệp để xây dựng mô hình nuôi ốc hương biển; thẩm định và phê duyệt phương án trồng cây lâm nghiệp phân tán và công trình thi công trồng rừng phòng hộ thuộc dự án đầu tư xây dựng và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh; phê duyệt phương án khai thác tia thưa điều chỉnh mật độ rừng đước khu căn cứ hậu cần kỹ thuật Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thuộc ấp Giồng Giếng, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải.

- Xây dựng kế hoạch tiền khả thi thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững trên địa bàn tỉnh do Ngân hàng thế giới (WB9) đầu tư.

- Kiểm tra rà soát, thẩm định hồ sơ thiệt hại do thực hiện công trình Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

- Tổ chức Lễ phát động đợt cao điểm hành động năm an toàn vệ sinh thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp; chọn điểm để xây dựng thương hiệu vùng sản xuất, nguyên liệu lúa hàm trâu.

- Đề xuất Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng lắp đặt đường dây trung, hạ áp phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân trong khu bảo tồn Long Khánh, huyện Duyên Hải.

- Tổng hợp ý kiến góp của các Sở, ngành tỉnh và địa phương về dự thảo “Sổ tay tuyên truyền các nội dung về tái cơ cấu ngành nông nghiệp”.

- Tổng hợp, thẩm định và phân bổ dự toán năm 2016 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp khảo sát và lập dự toán các tuyến kênh cấp 3 cần nạo vét để triển khai kế hoạch phòng, chống hạn và xâm nhập mặn năm 2016.

- Nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng công trình sửa chữa các cầu trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên, xã Long Hòa, huyện Châu Thành; triển khai thi công công trình gia cố sạt lở đoạn đê Tả Hữu sông Cổ Chiên xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

- Tổ chức 12 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 07 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và tiến hành xử lý theo quy định.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục triển khai thực hiện 20 dự án, gồm 11 dự án chuyên tiếp và 09 dự án khởi công mới (10 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 05 công trình đê, kè; 04 công trình dân dụng, 01 công trình phục vụ trồng màu), tổng khối lượng thực hiện và giải ngân đến tháng 01/2016 là 327 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch vốn phân bổ (niên độ kế toán năm 2015).

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất: Hoàn chỉnh Kế hoạch hỗ trợ HTX Thanh Long ruột đỏ, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long và HTX dứa sáp Hòa Tân, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè trở thành HTX nông nghiệp kiểu mới; hoàn thành bộ thủ tục thành lập mới HTX xoài cát chu trên địa bàn xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè; báo cáo kết quả hoạt động của Ban điều hành xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh năm 2015 và xây dựng chương trình hoạt động năm 2016; gửi lấy ý kiến các Sở ngành, địa phương liên quan về Dự thảo mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh năm 2016.

f) Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:

- Quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm: Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 35 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông-lâm-thủy sản, kết quả xếp loại: 17 loại A, 18 loại B; cấp 23 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản muối; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 12 mẫu (08 mẫu nước biển, 04 mẫu nghêu) về an toàn sản phẩm khi thu hoạch.

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 19 tàu cá (01 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 05 tàu, đăng ký 08 tàu, xóa bộ 03 tàu, cấp 09 sổ danh bạ (44 thuyền viên), cấp 11 giấy phép khai thác thủy sản, 07 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.195 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 86.664 CV (204 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 378 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 658 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 18,5 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, quản lý giống thủy sản đối với 09 cơ sở kinh doanh, giết mổ, đông lạnh sản phẩm gia súc, gia cầm; sản xuất, vận chuyển giống thủy sản. Quyết định xử phạt 06 trường hợp vi phạm.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

Vụ Đông Xuân 2016, tổ chức khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh), diện tích 0,5 ha, hiện đang phát triển tốt.

Tổ chức 46 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm thẻ, tôm sú và tôm càng xanh tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và Châu Thành cho 1.318 lượt người dự.

Kết hợp Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 bản tin thời sự về việc tổng kết công tác khuyến nông khuyến ngư năm 2015.

Tổ chức tổng kết, đánh giá các mô hình trình diễn trong năm để có kế hoạch nhân rộng.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Bệnh LMLM xuất hiện trên đàn bò của huyện Trà Cú và nguy cơ tái phát rất cao, do tỷ lệ tiêm phòng còn thấp;
- Lúa Đông xuân xuống giống kéo dài trong điều kiện khó khăn về nước tưới, sẽ ảnh hưởng đến vụ tiếp theo;
- Đầu vụ nuôi 2016, tôm có thiệt hại rải rác do môi trường ao nuôi chưa ổn định;
- Số lượng tàu khai thác giảm dần đến sản lượng khai thác thủy, hải sản đạt thấp so với cùng kỳ;
- Dự án Luồng tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu làm tràn nước mặn vào khu vực sản xuất gây thiệt hại cho nông dân thị xã Duyên Hải và huyện Duyên Hải;
- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt là các sản phẩm thủy sản khô chưa được khắc phục.

2. Nguyên nhân:

- Một số nông dân chưa tuân thủ lịch thời vụ (lúa, nuôi thủy sản), quy trình cải tạo ao nuôi, chưa có ao lắng, lọc để xử lý nước.
- Giá nguyên vật liệu phục vụ khai thác thủy, hải sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi;
- Một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, nên khả năng xảy ra dịch là rất lớn, đặc biệt là thời tiết lạnh; việc chuyển từ tiêm phòng miễn phí sang có thu phí chưa được người chăn nuôi hưởng ứng;
- Việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 02

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung chỉ đạo chăm sóc diện tích lúa hiện diện trên đồng; khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện sâu bệnh phòng trị kịp thời đặc biệt là trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2016; tăng cường công tác dự tính, dự báo tình hình sâu, bệnh nhất là đạo ôn lá, cháy bìa lá, bọ trĩ và chuột gây hại.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2016, nhất là cây màu dưới chân ruộng như bắp, dưa hấu, bí đỏ, rau thực phẩm các loại..., tuyên truyền, vận động nông dân mở rộng diện tích cây màu ở những nơi có điều kiện và diện tích rau an toàn.

- Chăn nuôi: Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau Tết; tập trung tuyên truyền, vận động nông dân tiêm phòng cho đàn vật nuôi nhất là cúm gia cầm, LMLM trên gia súc; tăng cường kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh bằng đường thủy và đường bộ, đặc biệt là các loại sản phẩm nhập tỉnh phục vụ Tết Nguyên đán; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động giết mổ và giết mổ tập trung; tiếp tục thực hiện quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi.

b) Lâm nghiệp: Thực hiện công tác nghiệm thu phúc tra công trình chăm sóc, bảo vệ, khoanh nuôi rừng trên địa bàn các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành và thị xã Duyên Hải thuộc Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ giai đoạn 2014-2018; tiếp tục kiểm tra và theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển của cây rừng, đánh giá tỷ lệ sống của mô hình trồng bản thử nghiệm tại khu vực Cồn Vọt, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải. Triển khai xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng năm 2016; tuyên truyền pháp luật quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân sống trong khu vực rừng và ven rừng.

c) Thủy sản: Tiếp tục hướng dẫn nông dân cải tạo ao đầm phục vụ cho vụ nuôi năm 2016, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn quản lý chặt chẽ lịch thời vụ; tập trung chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2015 chuyển sang. Tuyên truyền nông dân thả nuôi con giống có nguồn gốc, chất lượng; theo dõi tiến độ thả nuôi thủy sản nhất là tôm sú và tôm thẻ chân trắng; hướng dẫn nông dân quản lý, chăm sóc tốt diện tích nuôi tôm sú, tôm chân trắng trong điều kiện thời tiết lạnh.

d) Phát triển nông thôn:

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Củng cố, kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo tỉnh; tham mưu xây dựng Chương trình công tác năm 2016. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tiếp tục in ấn, cấp phát tài liệu tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho địa phương.

- Các Dự án di dân: Tiếp tục kiểm tra tiến độ thi công hạng mục của dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải. Kiểm tra tiến độ thi công, nghiệm thu giai đoạn hạng mục công trình Kè chống sạt lở bờ sông Cồn Chông thị trấn Tiểu Cần. Lập hồ sơ mời thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp thuộc dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

2. Công tác chuyên ngành:

- Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình gia cố sạt lở đoạn đê Tả Hữu sông Cổ Chiên, xã Long Hòa, huyện Châu Thành; tiếp tục theo dõi, kiểm tra

tình hình an toàn các tuyến đê biển. Đơn đốc các địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2016, theo dõi tình hình xâm nhập mặn để kịp thời có biện pháp bảo vệ sản xuất.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản năm 2016.

- Tiếp tục triển khai các dự án chuyên tiếp năm 2015 và chuẩn bị sơ triển khai dự án khởi công mới năm 2016.

- Tiếp tục tổ chức 30 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh; cấp phát 150 cuốn sổ tay khuyến nông khuyến ngư năm 2016, 500 cuốn tờ tin xuân năm 2016. Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho nông dân; theo dõi các mô hình đang thực hiện, tổ chức đánh giá, nhân rộng.

- Tổ chức tuyên truyền, các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho cán bộ quản lý Nhà nước, các hộ sản xuất và người tiêu dùng; tổ chức thu mẫu kiểm soát VSATTP nông, thủy sản và kiểm soát dư lượng chất độc hại trong thủy sản nuôi; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư 45/TT-BNNPTNT. Thực hiện đợt cao điểm năm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp phục vụ Tết Nguyên đán Bính Thân 2016.

- Tiếp tục sản xuất, cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản nước ngọt và chuẩn bị các điều kiện sản xuất giống tôm sú phục vụ cho năm 2016; tập trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động các trạm cấp nước hiện có, phân đầu lắp đặt thêm cho 900 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KP. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/01/2016

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	169.669	211.330	49.184	160.314	94,49%	75,86%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	158.440	160.000	43.395	150.261	94,84%	93,91%
	Cây lúa	Ha	157.195	154.000	42.782	149.117	94,86%	96,83%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.209,4	89.000		87.439,9	98,02%	98,25%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	86.157	89.000	43.748	77.106,8	89,50%	86,64%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,68	54,20	53,03	53,4	99,45%	98,50%
	- Sản lượng	tấn	462.492	482.380	231.986	411.642	89,01%	85,34%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	67.985,4	65.000	42.782,0	61.677	90,72%	94,89%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		67,35				
	- Sản lượng	tấn		437.775				
	Cây màu	Ha	12.474	57.330	6.402	11.197	89,77%	19,53%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.244,7	6.000	613,5	1.144	91,95%	19,07%
	- Diện tích thu hoạch	"		6.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		52,00				
	- Sản lượng	Tấn		31.200				
1.2.	Cây có củ	Ha	345,7	3.350	235,4	394	114,09%	11,77%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	152,9	1.550	104,8	165	108,03%	10,65%
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.550				
	+ Năng suất	Tạ/ha		159,70				
	+ Sản lượng	Tấn		24.754				
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	114,3	1.150	78,0	135	118,30%	11,76%
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.150				
	+ Năng suất	Tạ/ha		151,50				
	+ Sản lượng	Tấn		17.423				
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	78,6	650	52,6	94	119,78%	14,48%
	+ Diện tích thu hoạch	"		650				
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	6.890,8	31.830	3.337,9	6.354,9	92,22%	19,97%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	6.742,2	31.000	3.266,6	6.242	92,57%	20,13%
	+ Diện tích thu hoạch	"		31.000				
	+ Năng suất	Tạ/ha		223,94				
	+ Sản lượng	Tấn		694.200				
	Đậu các loại							

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Kế hoạch
	+ DT gieo trồng	Ha	148,6	830	71,3	113	76,30%	13,66%
	+ Diện tích thu hoạch	"		830				
	+ Năng suất	Tạ/ha		18,67				
	+ Sản lượng	Tấn		1.550				
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		3.676,0	13.500,0	2.017,5	2.972,6	80,87%	22,02%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.226,8	5.000	762,1	1.243	101,28%	24,85%
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.000				
	+ Năng suất	Tạ/ha		53,00				
	+ Sản lượng	Tấn		26.500				
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.796,1	6.100	1.017,0	1257,6	70,02%	20,62%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		6.100				
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.100				
	+ Sản lượng	Tấn		671.000				
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	653,0	2.400	238,5	472,4	72,34%	19,68%
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.400				
	+ Năng suất	Tạ/ha		103,40				
	+ Sản lượng	Tấn		24.816				
1.5	Cây trồng khác	"						
	+ Cây hàng năm khác	Ha	316,5	2.650	197,5	331	104,51%	12,48%
	+ Dây thuốc cá	"						
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	5.958	42.700	9.598	9.598	161,09%	22,48%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	67	4.000	149	149	223,48%	3,72%
	- Diện tích nuôi cá	"	67	2.500	90	90	135,51%	3,61%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	0	50	-	-	0,00%	0,00%
	+ Cá lóc	"	8	290	20	20	260,61%	7,03%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	-	1.500	59	59		3,91%
	Trong đó: tôm càng xanh	"		1.500	59	59		3,91%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	5.891	38.700	9.449	9.449	160,39%	24,42%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	5.891	37.000	9.449	9.449	160,39%	25,54%
	Trong đó: + Tôm sú	"	3.330	19.000	4.777	4.777	143,44%	25,14%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	429	5.000	396	396	92,19%	7,91%
	+ Cua biển	"	2.132	13.000	4.276	4.276	200,59%	32,89%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.700				0,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	9.874	181.000	9.849	9.849	99,75%	5,44%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	2.969	101.200	4.108	4.108	138,36%	4,06%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	2.370	55.500	3.809	3.809	160,73%	6,86%
	- Sản lượng cá	"	2.273	55.000	3.702	3.702	162,87%	6,73%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	43	10.000	31	31	70,93%	0,31%
	+ Cá lóc	"	1.102	27.000	2.522	2.522	228,82%	9,34%
	- Sản lượng giáp xác	"	96	500	106	106	110,22%	21,21%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	96	500	106	106	110,22%	21,21%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	599	45.700	299	299	49,90%	0,65%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	571	43.500	281	281	49,11%	0,64%
	Trong đó: + Tôm sú	"	179	14.500	35	35	19,48%	0,24%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	152	21.000	100	100	65,57%	0,47%
	+ Nuôi cua biển	"	241	8.000	146	146	60,71%	1,83%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	28	2.200	19	19	66,19%	0,84%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	6.906	79.800	5.742	5.742	83,15%	7,20%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	5.728	65.900	4.718	4.718	82,37%	7,16%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	2.501	25.000	1.716	1.716	68,62%	6,86%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 01	Ước TH này	% so sánh với	
							TH kỳ trước	Kế hoạch
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.009	8.900	755	755	74,84%	8,48%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	2.218	32.000	2.247	2.247	101,29%	7,02%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	1.178	13.900	1.024	1.024	86,93%	7,37%
	Trong đó: - Cá các loại	"	468	6.500	448	448	95,82%	6,89%
	- Tôm các loại	"	429	4.200	455	455	106,23%	10,84%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	282	3.200	121	121	42,80%	3,77%

